

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 12-6-2018
V/v: Ly hôn giữa chị T và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Bà Vũ Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2018/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018 về việc Ly hôn

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2018/ HNGĐ-ST ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh bị kháng nghị

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị T; cư trú tại: Thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Anh Đoàn Văn T; cư trú tại: Thôn 14, xóm Q, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh

Tại phiên tòa: Có mặt chị T, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày: Chị và anh Đoàn Văn T kết hôn ngày 26/12/2016 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được khoảng 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau. Từ tháng 4/2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm

đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung, tài sản chung không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý Toà án cấp sơ thẩm đã gửi giấy triệu tập anh Đoàn Văn T nhiều lần thông qua gia đình nhưng anh Đoàn Văn T không có mặt. Bà Phạm Thị K là mẹ đẻ của anh Đoàn Văn T cho biết: Gia đình bà đã thông báo cho anh T biết về việc chị T xin ly hôn, anh T đã nhận được thông báo thụ lý, thông báo hoà giải, nhưng anh T đang làm trên Hà Nội, vì công việc không về Toà án để giải quyết. Anh T, chị T sống với nhau khoảng 3-4 tháng thì ly thân chưa có con chung và tài sản chung, nay chị T xin ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, gia đình không có ý kiến gì.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2018/ HNGĐ-ST ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh đã căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Trương Thị T ly hôn anh Đoàn Văn T.

Ngày 17-01-2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh có quyết định kháng nghị số 01/QĐKN/VKS-DS với nội dung: Sau khi Toà án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Phạm Thị K là mẹ đẻ anh T, bà K có ý kiến “Bà đã nhận được biên bản giao và giấy triệu tập, còn với anh T bà không liên lạc được”. Từ đó có thể thấy bà K không liên lạc được với anh T nên bà K không nhận trách nhiệm thông báo cho anh T biết về việc Toà án đưa vụ án ra xét xử. Ngày 13-12-2017 khi Toà án tổng đạt quyết định hoãn phiên toà cho bà Phạm Thị K , bà K cũng chỉ ký nhận chứ không có ý kiến gì, không nhận trách nhiệm thông báo cho anh T biết. Do đó, có thể thấy anh Đoàn Văn T không biết về việc Toà án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử, việc không biết này sẽ làm ảnh hưởng tới quyền, lợi ích hợp pháp của anh Đoàn Văn T.

Do bị đơn là anh Đoàn Văn T không có mặt theo giấy triệu tập, nên Toà án cấp sơ thẩm đã lập biên bản lấy lời khai bà Phạm Thị K mẹ đẻ anh T là không đúng, vì bà K không phải là đương sự. Trong trường hợp này Thẩm phán phải áp dụng điểm e khoản 2, khoản 3 Điều 97 của Bộ luật Tố tụng Dân sự ra quyết định thu thập chứng cứ và tiến hành xác minh tài liệu chứng cứ và vì vậy vụ án này thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên toà. Toà án cấp sơ thẩm không thông báo để Viện kiểm sát cử Kiểm sát viên tham gia phiên toà là không đúng. Vì vậy, đề nghị huỷ Bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Chị và anh Đoàn Văn T quen nhau qua mạng sau đó kết hôn, nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng chỉ sống với nhau được thời gian ngắn rồi ly thân. Thực tế anh T vẫn sống ở địa phương nhưng cố tình lẩn tránh không đến Toà. Chị đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh T để giải phóng cho chị có điều kiện ổn định cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và chị T đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Anh T đã được Toà án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ nhiều

lần nhưng không chấp hành. Tuy nhiên, các tài liệu hiện thu thập được chưa có căn cứ xác định anh T có nhất trí với Bản án sơ thẩm hay không. Biên bản do địa phương lập xác minh về việc gia đình anh T sau khi nhận trách nhiệm đã chuyển giấy báo cho anh T chưa, phần ghi quan điểm của anh T không phải chữ của bà K (mẹ anh T), nên đề nghị Hội đồng xét xử huỷ Bản án sơ thẩm xét xử lại để đảm bảo quyền tham gia phiên toà cho anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh thấy rằng: Khi Toà án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho mẹ đẻ anh T, bà K có ý kiến về việc bà không liên lạc được và không nhận trách nhiệm thông báo cho anh T biết, sau đó Toà án tổng đạt quyết định hoãn phiên toà cho bà Khuyên, bà K cũng chỉ ký nhận chứ không nhận trách nhiệm thông báo cho anh T biết. Như vậy, việc tổng đạt trực tiếp không thực hiện được, lẽ ra Toà án phải tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2] Do bị đơn là anh T không có mặt theo giấy triệu tập, nên Toà án cần xác minh làm rõ có thuộc trường hợp bị đơn cố tình lẩn tránh hay không. Trong trường hợp này Thẩm phán phải ra quyết định thu thập chứng cứ và tiến hành xác minh, sau đó cần thông báo để Viện kiểm sát cử Kiểm sát viên tham gia phiên toà mới đúng. Nên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh là có căn cứ.

[3] Tuy nhiên, sau khi thụ lý, Toà án cấp phúc thẩm đã triệu tập rất nhiều lần nhưng anh T vẫn cố tình không có mặt. Đã có đủ căn cứ xác định anh T đã biết về việc Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị T theo thủ tục sơ thẩm đến phúc thẩm nhưng anh T cố tình từ chối khai báo. Khi làm việc với Tòa án cấp phúc thẩm gia đình anh T đã nhận trách nhiệm chuyển giấy báo cho anh T, đồng thời thừa nhận anh T đã được gia đình thông báo về việc Tòa án cấp phúc thẩm đang giải quyết vụ án. Tòa án cấp phúc thẩm đã làm đầy đủ các thủ tục tổng đạt giấy báo thông qua gia đình và đã niêm yết giấy báo phiên toà theo quy định của pháp luật, nên có đủ điều kiện xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Mặt khác, chị T và anh T kết hôn do tìm hiểu qua mạng, quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người mỗi nơi, thực sự không còn quan tâm đến nhau. Từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình, đặc biệt cả hai bên không còn thiện chí thực hiện nghĩa vụ sống chung với nhau theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về “Tình nghĩa vợ chồng”. Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập, nhưng anh T không trả lời, chứng tỏ anh T đã có ý thức bỏ mặc, không muốn níu kéo tình cảm gia đình với chị T. Khi tổng đạt giấy báo phiên toà lần 2 bà K (mẹ anh T) đã xác nhận về việc anh T đã nhất trí với Bản án sơ thẩm. Còn chị T xác định không còn tình cảm với anh T, anh chị không còn khả năng đoàn tụ. Việc

anh T không chấp hành giấy báo phiên toà của cấp phúc thẩm mặc dù biết mục đích xét xử phúc thẩm để xem xét bảo vệ quyền được tham gia phiên toà của anh T, đã chứng tỏ anh T từ chối mọi quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Xét việc huỷ Bản án sơ thẩm để xét xử lại sẽ không thể thay đổi bản chất hôn nhân giữa anh T và chị T đã thực sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xin ly hôn với anh T để sớm giải phóng cho cả hai bên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015,

Giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

1. Xử cho chị Trương Thị T ly hôn với anh Đoàn Văn T;

2. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải nộp án phí 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 04663 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh (Chị T đã nộp đủ án phí).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THA huyện Trục Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bạch Tuyết

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 50 phút ngày

Tại phòng nghị án trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Bà Mai Thị Minh Hồng

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 50/2017/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp đòi tài sản” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Xuân Minh; cư trú tại: Tổ 6, Ấp An Quý, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Chị Ninh Thị Tiến; cư trú tại: Xóm Quyết Phong, thôn La Xuyên, xã Yên Ninh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Quan điểm bà

Vì vậy, cần: Căn cứ vào

Tuyên nghĩa vụ thi hành án và biện pháp bảo đảm thi hành án

Quan điểm bà Thu và bà Tuyết: Nhất trí quan điểm bà Hồng

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 ý kiến nhất trí với nội dung trên.

Việc nghị án kết thúc vào hồi giờ 00 phút cùng ngày

Biên bản nghị án đã đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

hị Thu

Mai Thị Minh Hồng

Nguyễn Thị Bạch Tuyết

**NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà - Hội đồng xét xử nhận định :

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh đã tiến hành các quy trình tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, triệu tập, hòa giải anh T đã biết nhưng cố tình lẩn tránh không chấp hành do vậy Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh căn cứ qui định pháp luật giải quyết vắng mặt.

Chị Trương Thị T và anh Đoàn Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trục Hưng, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, từ ngày 5/4/2017 đến nay chị T và anh T sống ly thân. Nay chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh T. HĐXX xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh T đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, như vậy là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản và các vấn đề khác: anh Thới không yêu cầu. HĐXX không đề cập giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/2/2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội. Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Xử cho chị Trương Thị T ly hôn chị Đoàn Văn T.

2. Án phí: Chị T phải nộp án phí 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 04663 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh (Chị T đã nộp song tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

